| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG H**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 187/2024/DS - ST

Ngày: 06/12/2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Như Ý.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Cao Thị Lệ Pha.
2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H*** *tham gia phiên toà:* Phan Văn Dựa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2024/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Ánh K, sinh năm 1984;
Bị đơn: Anh Tô Văn K1, sinh năm 1986;
Cùng địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Đông H, tỉnh B.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1959
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Đông H, tỉnh B.
2. Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1955;
3. Chị Hà Cẩm T, sinh năm 1976;
Cùng địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Đông H, tỉnh B.

(Chị K, anh K1, bà T, bà P và chị T có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Hà Ánh K trình bày:*

Về hôn nhân: Vào 2005 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B vào ngày 14/6/2005.

Nguyên nhân ly hôn: Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cải vã, mâu thuẫn và hiện anh chị đã sống ly thân từ ngày 08/02/2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh chị không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị K xác định có 02 người con chung tên Tô Trọng Mãi, sinh ngày 20/6/2013 và Tô Hồng Ngọc, sinh ngày 20/11/2008 hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hết 02 con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang phụ buôn bán cho người khác tại chợ xã Định Thành, lương mỗi tháng 6.000.000đ và việc ăn, ở của 03 mẹ con chị do chủ lo, chị xác định có đủ điệu kiện để đảm bảo cho việc nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có số tài sản chung là phần đất diện tích 13.358,0m$^2$ (qua kết quả đo đạc thực tế 13.307,4m$^2$) tại thửa số 719, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B. Khi ly hôn, chị yêu cầu chia theo quy định pháp luật, yêu cầu nhận giá trị đất. Phần đất có nguồn gốc của cha mẹ chồng tên Tô Văn Xôm và bà Dương Thị T cho lại vợ chồng chị vào năm 2007. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị và anh Tô Văn K1 cùng đứng tên. Nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi sai tên chị là Hà Ánh Kiên, thực tế Hà Ánh Kiên và Hà Ánh K cùng là chị. Sau khi được cho đất thì vợ chồng chị quản lý, sử dụng đến nay.

Ngoài ra vợ chồng còn có tài sản chung là tủ, giường và nhà ở thì chị không yêu cầu chia khi ly hôn.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của mẹ ruột là bà Đỗ Thị P số tiền 40.000.000đ. Khoảng năm 2020, khi vợ chồng thiếu thốn, chị có hỏi mượn của bà P trong 02 lần bằng tổng số tiền 40.000.000đ, vì là mẹ con ruột nên không làm giấy tờ gì. Anh K1 có biết, nhưng không trực tiếp đi mượn tiền với chị. Chị mượn tiền để chi xài trong nhà, đóng bảo hiểm cho chị, mua điện thoại cho con gái đi học.

Vào khoảng năm 2021, chị có mượn của chị Hà Cẩm T số tiền 12.000.000đ. Anh K1 không trực tiếp đi mượn tiền với chị, nhưng anh K1 có biết. Số tiền mượn được về cho con đi học, mua gạo, bệnh hoạn trong gia đình;

Vào khoảng năm 2020 anh K1 có mượn của mẹ chồng là bà Dương Thị T 04 chỉ vàng 24k để đóng tiền bảo hiểm.

Nay khi ly hôn, chị yêu cầu anh K1 cùng có trách nhiệm trả nợ với chị.

*Anh Tô Văn K1 trình bày:* Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn anh thống nhất với lời trình bày của chị Hà Ánh K. Theo anh xác định vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do chị K có người đàn ông khác, anh bắt gặp chị K nhắn tin và nói chuyện với người khác, khi anh lấy điện thoại xem thì chị K xóa bỏ tin nhắn. Sau đó anh có khuyên chị K, nhưng chị K không nghe. Anh có nhờ chị vợ và mẹ vợ nói chuyện với chị K, nhưng chị K không đồng ý. Khi anh đi làm thì chị K tự động bỏ nhà đi đến nay. Nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi hết 02 con chung Tô Trọng Mãi, sinh ngày 20/6/2013 và Tô Hồng Ngọc, sinh ngày 20/11/2008, hiện đang sống với chị K. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi hết 02 con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh xác định, từ trước đến nay anh là lao động chính trong gia đình nên có đủ

điều kiện để nuôi con. Hiện tại anh đang làm việc tại công ty giầy da, thu nhập mỗi tháng khoảng 7.000.000đ. Nếu Tòa án quyết định giao con cho anh nuôi thì anh về nhà làm vuông, nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K1 xác định vợ chồng có 02 chiếc xe (hiện chị K quản lý 01 chiếc, anh quản lý 01 chiếc) và có nhẫn, lắc, vòng, dây chuyền (anh không biết trọng lượng bao nhiêu, do chị K quản lý) và vợ chồng có mua 01 cái bảo hiểm. Nhưng đối với phần tài sản này (xe, số vàng và bảo hiểm anh không yêu cầu chia khi ly hôn). Ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung nào khác.

Đối với phần đất diện tích 13.358,0m$^2$ (qua kết quả đo đạc thực tế 13.307,4m$^2$) tại thửa số 719, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B, anh xác định phần đất này là tài sản riêng của anh, anh có trước khi kết hôn với chị K. Do anh nhận chuyển nhượng từ bà Tô K Tha, nên anh không đồng ý chia khi ly hôn. Năm 2007, khi anh làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không biết vì sao lại ghi tên chị K vào, sau đó anh có biết việc chị K cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh không khiếu nại đến nay.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có nợ của bà Dương Thị T 05 chỉ vàng 24k. Đối với khoản nợ bà Đỗ Thị P và bà Hà Cẩm T thì anh không biết, nên anh không đồng ý trả.

*Bà Dương Thị T trình bày:*

Vào ngày 12/2/2020 khi chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 còn chung sống với nhau, thì chị K và anh K1 có trực tiếp đến hỏi bà mượn 05 chỉ vàng 24k, do là mẹ con ruột nên không làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Hẹn 01 năm sau sẽ trả, nhưng do thấy chị K và anh K1 còn khó khăn nên bà không đòi, nên đến nay chị Chị K và anh K1 vẫn còn nợ bà. Nay bà yêu cầu chị K và anh K1 có trách nhiệm giao trả cho bà 05 chỉ vàng 24k.

*Chị Hà Cẩm T trình bày:* Khoảng năm 2022 khi chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 còn chung sống với nhau, thì chị K có đến hỏi chị mượn nhiều lần, tổng số tiền 12.000.000đ. Do là chị em ruột nên không làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Khi mượn anh K1 có biết, chị K nói mượn tiền về cho con đi học và chi xài trong gia đình. Tại phiên tòa chị T yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*Bà Đỗ Thị P trình bày:*

Từ năm 2020 khi chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 còn chung sống với nhau, thì chị K có đến hỏi bà mượn số tiền 30.000.000đ. Đến năm 2023 mượn thêm số tiền 10.000.000đ, tổng cộng là 40.000.000đ. Khi mượn thì K đứng ra mượn, anh K1 không trực tiếp mượn nhưng anh K1 có biết và anh K1 có nói sẽ lo trả tiền cho bà. Do là mẹ con ruột nên không làm giấy tờ gì nhưng có chế thứ 2 của Ánh K là chị Hà Cẩm T chứng kiến. chị K nói mượn tiền về đóng bảo hiểm cho chị K. Tại phiên tòa bà Đỗ Thị P yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Ánh K được ly hôn với anh Tô Văn K1.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Tô Trọng Mãi, sinh ngày 20/6/2013 và Tô Hồng Ngọc, sinh ngày 20/11/2008 cho chị Hà Ánh K trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị K đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Anh Tô Văn K1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

- Chia cho chị Hà Ánh K số tiền 532.296.000đ. Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho chị Hà Ánh K.

- Chia cho anh Tô Văn K1 phần đất diện tích 13.307,4m$^2$ nằm tại thửa 719, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh Tô Văn K1 và chị Hà Ánh Kiên (K), đất tọa lạc tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn Tập, Trần Văn Tiền, cạnh dài 31,01m;

- Cạnh hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 11,12m + 17,49m + 5,60m;

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Lê Hoàng Huy, cạnh dài 5,91m + 5,84m + 20,07m + 404,95m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Văn Thức, ông Trần Văn Dũng, cạnh dài 4,50m + 5,82m + 3,14m + 161,71m + 178,44m + 93,85m.

Anh Tô Văn K1 được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung:

- Buộc chị Hà Ánh K giao trả cho cho bà Dương Thị T 02 chỉ vàng 24k, tương đương với số tiền 16.600.000đ.

- Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho bà Dương Thị T 2,5 chỉ vàng 24k, tương đương số tiền 20.750.000đ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị P, yêu cầu chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 giao trả số tiền 40.000.000đ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Hà Cẩm T, yêu cầu chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 giao trả số tiền 12.000.000đ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.839.746đ chị Hà Ánh K nộp đã chi hết. Chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 mỗi người phải chịu số tiền 1.919.873đ. Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho chị Hà Ánh K số tiền 1.919.873đ.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Ánh K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn K1, có địa chỉ cư trú tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2005 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn cải vã. Nay anh chị xác định tình cảm không còn, thống nhất thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh chị.

Về con chung: Cả chị K và anh K1 đều có nguyện vọng được nuôi hết 02 con chung tên Tô Trọng Mãi, sinh ngày 20/6/2013 và Tô Hồng Ngọc, sinh ngày 20/11/2008.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2023 Tô Trọng Mãi và Tô hồng Ngọc đều có nguyện vọng được sống với chị K. Trong thời gian sống ly thân thì 02 em điều sống với chị K và cuộc sống của 02 em phát triển tốt, hiện đang được đi học. Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống của 02 em nên cần tiếp tục giao cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng duôi con: Do chị K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung:

Chị Hà Ánh K yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 13.307,4m$^2$ nằm tại

thửa 719, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh Tô Văn K1 và chị Hà Ánh Kiên (K), đất tọa lạc tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn Tập, Trần Văn Tiền, cạnh dài 31,01m;

- Cạnh hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 11,12m + 17,49m + 5,60m;

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Lê Hoàng Huy, cạnh dài 5,91m + 5,84m + 20,07m + 404,95m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Văn Thức, ông Trần Văn Dũng, cạnh dài 4,50m + 5,82m + 3,14m + 161,71m + 178,44m + 93,85m.

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 14/6/2005 chị K và anh K1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận từ ngày 14/6/2005. Phần đất diện tích 13.307,4$m^2$ nằm tại thửa 719, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh Tô Văn K1 và chị Hà Ánh Kiên (K) vào năm 2007 là tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân giữa chị K và anh K1 và cả chị K và anh K1 đều đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh….tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung…". Như vậy, phần đất này là tài sản chung của vợ chồng chị K và anh K1, nên cần được chia cho anh chị khi ly hôn là có căn cứ.

Do đây là tài sản chung của vợ chồng chị K và anh K1. Tuy nhiên, do nguồn gốc phần đất là của cha mẹ ruột anh K1, chị K chỉ có công gìn giữ nên cần chia cho anh K1 06 phần, chị K 04 là phù hợp. Tuy nhiên, xét thấy phần đất này hiện anh K1 đang quản lý, sử dụng và chị K cũng đồng ý nhận giá trị đất, nên cần buộc anh K1 giao trả giá trị cho chị K bằng số tiền: 5.322,96$m^2$ x 80.000đ/1$m^2$ = 425.836.800đ.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ của bà Dương Thị T, bà T yêu cầu giao trả 05 chỉ vàng 24k. Chị K thừa nhận nợ 04 chỉ vàng 24k. Do bà T không cung cấp được bất kì chứng cứ gì để chứng minh chị K và anh K1 nợ bà 05 chỉ vàng 24k, nên cần chấp nhận theo sự thừa nhận của chị K. Do khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị K và anh K1, nên anh chị phải có trách nhiệm liên đới trả nợ, mỗi người ½ số vàng trên. Nên cần buộc chị K giao trả cho bà Dương Thị T 02 chỉ vàng 24k tương đương số tiền 16.600.000đ (giá vàng 8.300.000đ/01 chỉ). Do anh K1 thừa nhận nợ bà T 05 chỉ vàng 24k, nên cần buộc anh K1 giao trả cho bà T 2 chỉ 05 phân vàng 24k tương đương số tiền 20.750.000đ.

Do tại phiên tòa bà Đỗ Thị P và chị Hà Cẩm T tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập nên được ghi nhận.

[3]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.839.746đ chị Hà Ánh K nộp đã chi hết. Chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 mỗi người phải chịu số tiền 1.919.873đ. Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho chị Hà Ánh K số tiền 1.919.873đ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Ánh K phải nộp án phí chia tài sản số tiền: 20.000.000đ + 25.836.800đ x 4% = 21.033.000đ; án phí sơ thẩm hôn nhân 150.000đ và án phí dân sự: 16.600.000đ x 5% = 830.000đ. Chị K đã nộp số tiền 12.800.000đ theo biên lai thu số 0010281 ngày 21/5/2024 được chuyển thu án phí, chị K còn phải nộp thêm số tiền 9.213.000đ. Anh Tô Văn K1 phải nộp án phí chia tài sản số tiền: 20.000.000đ + 238.755.200đ x 4% = 29.550.000đ; án phí dân sự: 20.750.000đ x 5% = 1.037.500đ và án phí hôn nhân 150.000đ. Bà Đỗ Thị P không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai thu số 0010567 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ; Chị Hà Cẩm T không phải nộp án phí, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0010577 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ. Bà Dương Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định, bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai thu số 0010578 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Ánh K được ly hôn với anh Tô Văn K1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Tô Trọng Mãi, sinh ngày 20/6/2013 và Tô Hồng Ngọc, sinh ngày 20/11/2008 cho chị Hà Ánh K trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị K đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Anh Tô Văn K1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho chị Hà Ánh K số tiền 425.836.800đ. Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho chị Hà Ánh K số tiền trên.

- Chia cho anh Tô Văn K1 phần đất diện tích 13.307,4m$^2$ nằm tại thửa 719, tờ bản đồ số 14, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh Tô Văn K1 và chị Hà Ánh Kiên (K), đất tọa lạc tại ấp Lung Lá, xã An Trạch, huyện Đông H, tỉnh B, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Trần Văn Tập, Trần Văn Tiền, cạnh dài 31,01m;

- Cạnh hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 11,12m + 17,49m + 5,60m;

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Lê Hoàng Huy, cạnh dài 5,91m + 5,84m + 20,07m + 404,95m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của ông Trần Văn Thức, ông Trần Văn Dũng, cạnh dài 4,50m + 5,82m + 3,14m + 161,71m + 178,44m + 93,85m.

Anh Tô Văn K1 được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Hà Ánh K giao trả cho cho bà Dương Thị T số tiền 16.600.000đ.

- Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho bà Dương Thị T 20.750.000đ.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị P, yêu cầu chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 giao trả số tiền 40.000.000đ.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Hà Cẩm T, yêu cầu chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 giao trả số tiền 12.000.000đ.

7. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.839.746đ chị Hà Ánh K nộp đã chi hết. Chị Hà Ánh K và anh Tô Văn K1 mỗi người phải chịu số tiền 1.919.873đ. Buộc anh Tô Văn K1 giao trả cho chị Hà Ánh K số tiền 1.919.873đ.

8. Về án phí sơ thẩm: Chị Hà Ánh K phải nộp án phí chia tài sản số tiền: 21.033.000đ; án phí sơ thẩm hôn nhân 150.000đ và án phí dân sự 830.000đ. Chị K đã nộp số tiền 12.800.000đ theo biên lai thu số 0010281 ngày 21/5/2024 được chuyển thu án phí, chị K còn phải nộp thêm số tiền 9.213.000đ. Anh Tô Văn K1 phải nộp án phí chia tài sản số tiền 29.550.000; án phí dân sự 1.037.500đ và 150.000đ án phí hôn nhân. Bà Đỗ Thị P không phải nộp án phí. Số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai thu số 0010567 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ; Chị Hà Cẩm T không phải nộp án phí, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0010577 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ. Bà Dương Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí

theo quy định, bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ theo biên lai thu số 0010578 ngày 11/9/2024 được hoàn lại đủ. Các đương sự nộp và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Thị Như Ý**